

Số: 1174/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 04 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chương trình giáo dục tổng quát trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-ĐHNT ngày 13/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định khối lượng và cấu trúc chương trình đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Hội đồng Phát triển Chương trình đào tạo trình độ đại học và Trường phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình Giáo dục tổng quát trình độ đại học.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, các quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Hội đồng Phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và các trường phòng, khoa, viện liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *nhua*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG



Trương Sĩ Trung



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TỔNG QUÁT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số: 1174/QĐ-ĐHNT, ngày 04 tháng 11 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TỔNG QUÁT

Giáo dục tổng quát (GDTQ) giúp người học đạt được năng lực về tư tưởng chính trị, đạo đức, sức khỏe, tư duy, ngôn ngữ và văn hóa nghệ thuật phù hợp để sinh sống hài hòa trong môi trường làm việc và cộng đồng; đồng thời, thích ứng với sự phát triển không ngừng của tri thức, thế giới việc làm và xã hội. Bên cạnh đó, GDTQ giúp người học đạt được năng lực nền tảng để tiếp tục giai đoạn giáo dục chuyên nghiệp (phục vụ học tập cơ sở, ngành và chuyên ngành đào tạo). Nắm vững các học phần thuộc khối GDTQ là tiền đề để sinh viên học tốt các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

Chương trình GDTQ bao gồm mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc, khối lượng và các học phần (HP) GDTQ được phân bố trong 4 trụ cột chính: (i) xã hội, nhân văn và nghệ thuật; (ii) toán, tin học, tự nhiên, công nghệ và môi trường; (iii) ngoại ngữ và (iv) thể chất, quốc phòng và an ninh.

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TỔNG QUÁT

Mục tiêu (Program Educational Objectives - PEO) của GDTQ cho tất cả các ngành:

PEO1: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này.

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TỔNG QUÁT

Chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - PLO) của GDTQ cho tất cả các ngành:

PLO1: Có lập trường chính trị tư tưởng, biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân;

PLO2: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành đào tạo;

PLO3: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn.

IV. KHỐI LƯỢNG VÀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình GDTQ được xây dựng cho chương trình đào tạo (CTĐT) đại học (cử nhân) và CTĐT chuyên sâu đặc thù (kỹ sư), trong đó chương trình kỹ sư chỉ dành cho các ngành thuộc lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.

TT	Nội dung	Học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Số tín chỉ							
				Lĩnh vực xã hội và nhân văn (41-50 TC)		Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ - Chương trình Cử nhân (51-60 TC)			Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ - Chương trình Kỹ sư (60-68 TC)		
				Nhóm I. Kinh tế, kinh doanh, quản lý	Nhóm II. Du lịch, ngoại ngữ, luật	Nhóm III. Kỹ thuật, công nghệ	Nhóm IV. Sản xuất, chế biến	Nhóm V. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Nhóm III. Kỹ thuật, công nghệ	Nhóm IV. Sản xuất, chế biến	Nhóm V. Nông, lâm nghiệp và thủy sản
Tổng số TC khối I&II (cả bắt buộc và tự chọn)				29-31	23-31	35-41	35-41	32-41	44-49	43-47	42-46
I	Nhóm HP bắt buộc khối XHNV và Nghệ thuật			18	18	18	18	18	18	18	18
1.	Triết học Mác - Lênin	I-II		3	3	3	3	3	3	3	3
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	II-III	1	2	2	2	2	2	2	2	2
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	III-VII	1	2	2	2	2	2	2	2	2
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2,3	2	2	2	2	2	2	2	2
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2,3	2	2	2	2	2	2	2	2
6.	Pháp luật đại cương	I-IV		2	2*	2	2	2	2	2	2
7.	Tư duy phản biện	II-V		3	3	3	3	3	3	3	3
8.	Ngôn ngữ học thuật			2	2	2	2	2	2	2	2
II	Nhóm HP bắt buộc khối Toán, Tin học, Tự nhiên, CN&MT			9-11	3-6	15-19	15-21	12-21	20-25	19-22	18-22
9.	Toán 1	I		3	-	3	3	3	3	3	3
10.	Toán 2	II		2*	-	2	2	2*	2	2	2*
11.	Toán 3	III	9,10	-	-	3*	-	-	3	-	-
12.	Xác suất - Thống kê	III-IV	9	3	3*	3	3	3	3	3	3
13.	Hóa học đại cương A	I-IV		-	-	3*	3	3*	3*	3	3
14.	Thực hành Hóa học đại cương A		14	-	-	-	1	1*	-	1	1
15.	Hóa học đại cương B (LT)			-	-	2*	-	-	2*	-	-
16.	Vật lý đại cương 1			-	-	3	3*	3*	3	3	3*



IV	Giáo dục thể chất và Quốc phòng - An ninh		11	11	11	11	11	11	11
Số TC bắt buộc/tự chọn			9/2	9/2	9/2	9/2	9/2	9/2	9/2
42.	Đường lối QP&AN của ĐCSVN	I-IV	3	3	3	3	3	3	3
43.	Công tác quốc phòng và an ninh		2	2	2	2	2	2	2
44.	Quân sự chung		1	1	1	1	1	1	1
45.	KT chiến đấu bộ binh và chiến thuật		2	2	2	2	2	2	2
46.	Điền kinh	I-II	1	1	1	1	1	1	1
47.	Bóng đá	II-IV	1	1	1	1	1	1	1
48.	Bóng chuyền		1	1	1	1	1	1	1
49.	Cầu lông		1	1	1	1	1	1	1
50.	Taekwondo		1	1	1	1	1	1	1
51.	Bơi lội		1	1	1	1	1	1	1
52.	Aerobic		1	1	1	1	1	1	1

* **Ghi chú:**

- HP có số tín chỉ **in đậm**, đứng: là HP bắt buộc trong CTĐT.
- HP có số tín chỉ in thường, *ngiêng*: là HP các BCN lựa chọn để đưa vào CTĐT (có thể thiết kế thành HP bắt buộc).
- HP có số tín chỉ **in đậm**, đứng, có dấu “*”: là HP các BCN thiết kế thành HP bắt buộc, *hoặc* tự chọn, *hoặc* không đưa vào CTĐT, cụ thể như sau:
 - + HP Pháp luật đại cương: Không bắt buộc đối với ngành Luật (nhóm ngành II);
 - + HP Toán 2 (nhóm ngành I&V), Toán 3 (nhóm ngành III), Xác suất – Thống kê (nhóm ngành II), Vật lý đại cương 2 (nhóm ngành III): Các ngành tùy chọn thiết kế thành bắt buộc nếu thấy cần thiết;
 - + HP Hóa học đại cương A và Hóa học đại cương B (nhóm ngành III): Các ngành tùy chọn thiết kế thành bắt buộc nếu thấy cần thiết, có thể chọn Hóa học đại cương A hoặc Hóa học đại cương B;
 - + HP Hóa học đại cương A và Thực hành Hóa học đại cương A (nhóm ngành V): Bắt buộc đối với ngành NTTS, các ngành còn lại tùy chọn thiết kế thành bắt buộc nếu thấy cần thiết;
 - + HP Vật lý đại cương 1 và Thực hành Vật lý đại cương 1 (nhóm ngành V): Bắt buộc đối với ngành Khai thác TS, các ngành còn lại (kể cả ngành KHHH (nhóm III)) tùy chọn thiết kế thành bắt buộc nếu thấy cần thiết;
 - + HP Vật lý đại cương 1 và Thực hành Vật lý đại cương 1 (nhóm ngành IV): Các ngành tùy chọn thiết kế thành bắt buộc nếu thấy cần thiết;
 - + HP Sinh học đại cương A và Thực hành SHĐC: Bắt buộc đối với ngành ngành CNSH (nhóm ngành IV) và ngành NTTS, QLTS (nhóm ngành V), các ngành còn lại tùy chọn thiết kế thành bắt buộc nếu thấy cần thiết; các ngành chọn Sinh học ĐC B cũng có thể đưa Thực hành SHĐC vào CTĐT;
 - + Ở nhóm ngành IV: HP Tin học ĐC A bắt buộc đối với ngành CNSH, KTMT và KTHH; HP Tin học ĐC B bắt buộc đối với ngành CNTP và CNCBTS.

V. MA TRẬN THỂ HIỆN SỰ ĐÓNG GÓP CỦA HP ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC CĐR

TT	Học phần	Nhóm ngành					CĐR (PLOs)		
		I	II	III	IV	V	1	2	3
I Nhóm HP bắt buộc khối XHNV và Nghệ thuật									
1.	Triết học Mác - Lênin	3	3	3	3	3	M	I	
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	2	2	2	M	I	
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	2	2	2	M	I	
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	2	2	2	M	I	
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	2	2	2	M	I	
6.	Pháp luật đại cương	2	2*	2	2	2	M	I	
7.	Tư duy phản biện	3	3	3	3	3		R	M
8.	Ngôn ngữ học thuật	2	2	2	2	2		R	M
II Nhóm HP bắt buộc khối Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường									
9.	Toán 1	3		3	3	3		M	
10.	Toán 2	2*	-	2	2	2*		R	
11.	Toán 3	-	-	3*	-	-		R	
12.	Xác suất - Thống kê	3	3*	3	3	3		M	
13.	Hóa học đại cương A	-	-	3*	3	3*		M	
14.	Thực hành Hóa học đại cương A	-	-	-	1	1*		M	
15.	Hóa học đại cương B (LT)	-	-	2*	-	-		M	
16.	Vật lý đại cương 1	-	-	3	3*	3*		M	
17.	Thực hành Vật lý đại cương 1	-	-	1	1*	1*		M	
18.	Vật lý đại cương 2 (LT+UD)	-	-	2*	-	-		R	
19.	Sinh học đại cương A	-	-	-	2*	2*		M	
20.	Thực hành Sinh học đại cương				1*	1*		M	
21.	Tin học đại cương A (LT+TH)	-	-	3	3*	-			M
22.	Tin học đại cương B (LT+TH)	3	3	-	3*	3			M
Nhóm HP tự chọn khối I+II									
23.	Văn hóa Việt Nam	2	2	2	2	2		I	
24.	Thường thức mỹ thuật	2	2	2	2	2		I	
25.	Tâm lý học đại cương	2	2	-	-	-		I	
26.	Xã hội học pháp luật	-	2	-	-	-		I	
27.	Logic học đại cương	-	2	-	-	-		I	
28.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	-	2	-	-	-		I	
29.	Lịch sử văn minh thế giới	-	2	-	-	-		I	
30.	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2	-	-	-		I	R
31.	Nhập môn hành chính nhà nước	2	2	-	-	-	R	I	
32.	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	2	2	2	2		I	R
33.	Nhập môn Kinh tế học	-	2	2	2	2		R	
34.	Nhập môn Quản trị học	-	2	2	2	2		R	
35.	Nhập môn Marketing	-	2	2	2	2		R	
36.	Sinh học đại cương B	-	-	2	2	-		R	
37.	Con người và môi trường	2	2	2	2	2		R	



38.	Môi trường và phát triển	2	2	2	2	2		R	
39.	Biến đổi khí hậu	2	2	2	2	2		R	
III Ngoại ngữ									
40.	Ngoại ngữ 1	4	4	4	4	4		I	M
41.	Ngoại ngữ 2	4	4	4	4	4		I	M
IV Giáo dục thể chất và Quốc phòng - An ninh									
42.	Các HP Giáo dục thể chất	3	3	3	3	3	M		
43.	Các HP quốc phòng và an ninh	8	8	8	8	8	M		

VI. LĨNH VỰC VÀ NHÓM NGÀNH ĐÀO TẠO

- **Lĩnh vực xã hội và nhân văn:** gồm nhóm ngành I, II;

- **Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ:** gồm nhóm ngành III, IV, V.

1. Nhóm ngành I: Kinh tế, kinh doanh, quản lý

TT	Mã ngành	Tên ngành	Khoa/Viện quản lý
1	7340101	Quản trị kinh doanh	Kinh tế
2	7340121	Kinh doanh thương mại	
3	7340115	Marketing	
4	7310105	Kinh tế phát triển	
5	7310101	Kinh tế	
6	7340301	Kế toán	Tài chính – Ngân hàng
7	7340201	Tài chính – Ngân hàng	
8	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Công nghệ thông tin
Các ngành/chương trình đào tạo thuộc nhóm ngành được mở trong tương lai			

2. Nhóm ngành II: Du lịch, ngoại ngữ, luật

TT	Mã ngành	Tên ngành	Khoa/Viện quản lý
9	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Du lịch
10	7810201	Quản trị khách sạn	
11	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ
12	7380101	Luật	Khoa học Xã hội & Nhân văn
Các ngành/chương trình đào tạo thuộc nhóm ngành được mở trong tương lai			

3. Nhóm ngành III: Kỹ thuật, công nghệ

TT	Mã ngành	Tên ngành	Khoa/Viện quản lý
13	7480201	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin
14	7580201	Kỹ thuật xây dựng	Xây dựng
15	7520103	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí
16	7510202	Công nghệ chế tạo máy	
17	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	
18	7520115	Kỹ thuật nhiệt	

19	7510301	Kỹ thuật điện	Điện - điện tử
20	7520122	Kỹ thuật tàu thủy	Kỹ thuật giao thông
21	7520130	Kỹ thuật ô tô	
22	7840106	Khoa học hàng hải	
23	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	
Các ngành/chương trình đào tạo thuộc nhóm ngành được mở trong tương lai			

4. Nhóm ngành IV: Sản xuất, chế biến

TT	Mã ngành	Tên ngành	Khoa/Viện quản lý
24	7420201	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học
25	7520320	Kỹ thuật môi trường	
26	7540101	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
27	7520301	Kỹ thuật hoá học	
Các ngành/chương trình đào tạo thuộc nhóm ngành được mở trong tương lai			

5. Nhóm ngành V: Nông, lâm nghiệp và thủy sản

TT	Mã ngành	Tên ngành	Khoa/Viện quản lý
28	7620301	Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản
29	7620304	Khai thác thủy sản	KH&CN Khai thác thủy sản
30	7620305	Quản lý thủy sản	
31	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	Công nghệ thực phẩm
Các ngành/chương trình đào tạo thuộc nhóm ngành được mở trong tương lai			

TIÊU BAN GIÁO DỤC TỔNG QUÁT

NgM
 Ngô Đăng Nghĩa

**HỘI ĐỒNG PHÁT TRIỂN
 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Quách Hữu Năm
 Quách Hữu Năm

HIỆU TRƯỞNG

Trang Pi Trung

Trang Pi Trung